

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC BÌNH
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST
Ngày 06-5-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Vận.

Ông Nguyễn Hữu Thịnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Hứa Thế Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 27/2024/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 3 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bé Thị T, sinh năm 1999; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã T, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp của nguyên đơn: Bà Phạm Thị T, Luật sư, thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- Bị đơn: Anh Vương Văn T, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp của bị đơn: Bà Triệu Thị Kim L, Luật sư, thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 06/3/2024, các lời khai sau đó nguyên đơn chị Bé Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vương Văn T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, được hai gia đình tổ chức cưới cho theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 02, ngày 10/01/2020 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tuy nhiên đến tháng 10/2020 anh Vương Văn T chơi bời, chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh Vương Văn T vẫn không thay đổi mà còn đánh chị và sự việc diễn ra thường xuyên khiến chị không chịu nổi nữa nên từ tháng 11/2020 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ là bà Đinh Thị N và ông Bé Văn T tại thôn L, xã K, huyện Lộc Bình sinh sống sau khi sinh con là Vương Gia H cho đến nay. Sau khi ly thân thì chị và anh Vương Văn T cũng không liên lạc gì với nhau. Việc mâu thuẫn vợ chồng chị không báo chính quyền địa phương giải quyết, nhưng mọi người đều biết nhưng sẽ không ai dám nói vì anh Vương Văn T không nhất trí ly hôn và lo anh T gây khó khăn. Về con chung: Có 01 con chung là cháu Vương Gia H, sinh ngày 19/11/2020, hiện nay đang sống cùng anh Vương Văn T và bố mẹ đẻ của anh Vương Văn T là ông Vương Văn T và bà Vy Thị Đ. Do chị không có việc làm ổn định, thu nhập bấp bênh nên khi ly hôn chị yêu cầu anh Vương Văn T nuôi con và chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi từ ngày 01/4/2024. Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Chị đề nghị không hòa giải và xin giải quyết xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Chị Bé Thị T và anh Vương Văn T có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống hiện nay đã không quan tâm, yêu thương lẫn nhau và sống ly thân từ tháng 11/2020 cho đến nay. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Bé Thị T được ly hôn với anh Vương Văn T. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao 01 con chung là cháu Vương Gia H, sinh ngày 19/11/2020 cho anh Vương Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Bé Thị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi tính từ ngày 01/4/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung không có, đề nghị miễn án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con cho chị Bé Thị T do chị Bé Thị T là người dân tộc thiểu số thường xuyên sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đã có đơn xin miễn tạm ứng án phí, miễn án phí.

Tại bản khai ngày 26/3/2024, quá trình tố tụng anh Vương Văn T trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Bé Thị T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, được hai gia đình tổ chức cưới cho theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 02, ngày 10/01/2020 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L. Từ khi chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì, lý do anh và chị Bé Thị T ly thân là do từ tháng 12/2023 anh đi làm xa nhà không về. Từ tháng 02/2024 chị Bé Thị T sống tại nhà bố mẹ đẻ của chị Bé Thị T tại thôn L, xã K, huyện L sống cho đến nay. Do anh đi làm xa nên cũng không liên

lạc gì được với chị Bé Thị T. Từ tháng 02/2024 mới liên lạc qua messenger với chị Bé Thị T, chị Bé Thị T nói là làm đơn ly hôn bảo anh ký nhưng anh nói đang đi làm xa không về được và không nhất trí ly hôn. Do không có mâu thuẫn gì nên anh không đồng ý ly hôn và do con còn nhỏ, khi nào con được khoảng 05 đến 06 tuổi thì anh mới đồng ý ly hôn. Anh xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng nên không đồng ý ly hôn. Về con chung: Anh đồng ý trực tiếp nuôi con chung là cháu Vương Gia H, sinh ngày 19/11/2020, về cấp dưỡng nuôi con thì anh không đồng ý mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/tháng, anh đề nghị chị Bé Thị T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng. Hiện nay anh đang làm cơ khí, thu nhập trung bình khoảng 9.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng/tháng đảm bảo nuôi con và anh có bố mẹ để hỗ trợ nuôi con nên đảm bảo nuôi con tốt, đầy đủ, chỗ ở cũng ổn định. Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Anh đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày cùng ý kiến với bị đơn: Chị Bé Thị T yêu cầu ly hôn, anh Vương Văn T không nhất trí ly hôn do còn tình cảm vợ chồng và con còn nhỏ, nguyên nhân là do anh thường xuyên đi làm ăn xa nên đã không qua đón và quan tâm đến chị Bé Thị T, nhưng anh thấy vợ chồng không có mâu thuẫn gì, mong muốn về đoàn tụ. Do vậy đề nghị không chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: Có 01 con chung là cháu Vương Gia H, sinh ngày 19/11/2020. Hiện nay đang sống cùng với anh Vương Văn T. Trường hợp ly hôn thì anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi trưởng thành và yêu cầu chị Bé Thị T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung không có, đề nghị miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho anh Vương Văn T do anh Vương Văn T là người dân tộc thiểu số thường xuyên sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đã có đơn xin miễn tạm ứng án phí, miễn án phí.

Tại biên bản xác minh ngày 25/4/2024 với ông Vương Văn T là bố của anh Vương Văn T cho biết: Từ năm 2020 anh T và chị T đi làm công ty, thỉnh thoảng mới về nhà nên ông không nắm được có mâu thuẫn gì. Từ năm 2020 đến năm 2023 thì chị T có về nhà 01 lần, sau đó không thấy về lần nào nữa, tôi không biết chị T hiện nay đang ở đâu. Con chung của chị T và anh T sống cùng ông và anh T, ông vẫn hỗ trợ anh T nuôi dưỡng cháu H được đảm bảo tốt.

Tại biên bản xác minh ngày 25/4/2024 với trưởng thôn Đ, xã T cho biết: Chị T và anh T đi làm công ty, thỉnh thoảng mới về, sau đó bà không thấy chị T về nhà lần nào nữa. Anh T thỉnh thoảng vẫn về nhà sinh sống, còn cháu H thì sống cùng bố mẹ đẻ anh T và anh T, bố mẹ đẻ vẫn hỗ trợ anh T chăm sóc cháu H đảm bảo được nuôi dưỡng tốt, thu nhập anh T và chị T thì bà không nắm được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn:

Về tố tụng: Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng; thực hiện đúng việc thu thập tài

liệu chứng cứ, việc tổng đạt văn bản tố tụng được thực hiện hợp lệ, trình tự thụ lý, thời hạn chuẩn bị xét xử và nhiệm vụ quyền hạn của Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử theo đúng quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 93 đến Điều 97, Điều 175, Điều 177, Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ về thủ tục chuẩn bị khai mạc phiên tòa, ghi chép diễn biến phiên tòa cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 51, Điều 237 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 75, Điều 76 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Chị Bé Thị T và anh Vương Văn T được tự do tìm hiểu và gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn ngày 10/01/2020. Hiện nay chị Bé Thị T và anh Vương Văn T đã ly thân, trong thời gian sống ly thân không ai quan tâm hỏi han chăm sóc lẫn nhau, nay chị Bé Thị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh Vương Văn T. Anh Vương Văn T không đồng ý ly hôn, cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn, tuy nhiên quá trình chị Bé Thị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống anh T mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nhưng lại đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Bé Thị T và anh Vương Văn T không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, cuộc sống hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, điều này cũng phù hợp với trình bày của ông T là bố đẻ của anh T về tình trạng chung sống của hai vợ chồng. Do vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị Bé Thị T. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị Bé Thị T được ly hôn với anh Vương Văn T. Về con chung: Anh Vương Văn T đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là cháu Vương Gia H, sinh ngày 19/11/2020 và có ý kiến là chị Bé Thị T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị Bé Thị T cũng yêu cầu anh Vương Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/tháng, kể từ ngày 01/4/2024. Để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho cháu Vương Gia H, tránh cuộc sống bị xáo trộn, đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho anh Vương Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Xét thấy nguyên đơn tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/tháng là phù hợp với mức sống, nhu cầu của người con và điều kiện khả năng công việc thu nhập của chị Bé Thị T và phù hợp với quy định của pháp luật, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử buộc nguyên đơn chị Bé Thị T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, kể từ ngày 01/4/2024. Về tài sản chung, nợ chung không có nên đề nghị không xem xét. Nguyên đơn chị Bé Thị T được miễn án phí ly hôn sơ thẩm và miễn án phí cấp dưỡng nuôi con do là người dân tộc thiểu số thường xuyên sinh sống tại vùng có

điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đã có đơn xin miễn tạm ứng án phí, miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Bé Thị T và bị đơn anh Vương Văn T đã được Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn triệu tập hợp lệ đến phiên toà nhưng không có mặt và đã có đơn xin giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Bé Thị T và anh Vương Văn T Trình theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết tranh chấp nuôi con khi ly hôn vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Vương Văn T, cư trú tại thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bé Thị T và anh Vương Văn T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 02, ngày 10/01/2020, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Anh Vương Văn T cho rằng vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn gì, không nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy chị Bé Thị T và anh Vương Văn T đã sống ly thân, không còn quan tâm yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, anh Vương Văn T cho rằng đi làm xa, thỉnh thoảng mới về nhưng cũng thừa nhận chị Bé Thị T đã về nhà bố mẹ đẻ sống từ tháng 02/2024 cho đến nay, tuy nhiên anh Vương Văn T cũng không có hành động gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị Bé Thị T và anh Vương Văn T có 01 con chung là cháu Vương Gia H, sinh ngày 19/11/2020, anh Vương Văn T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi con đủ 18 tuổi và yêu cầu chị Bé Thị T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Bé Thị T cũng yêu cầu anh Vương Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và chấp nhận cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/tháng từ ngày 01/4/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét thấy con chung là cháu Vương Gia H đang sống với anh Vương Văn T, do anh Vương Văn T và gia đình anh Vương Văn T chăm sóc, nuôi dưỡng vẫn đảm bảo phát triển đầy đủ, toàn diện. Do vậy Hội đồng xét xử giao

con chung cho anh Vương Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Căn cứ vào mức lương cơ sở do Nhà nước quy định hiện nay là 1.800.000 đồng/tháng, nguyên đơn không có việc làm và thu nhập ổn định, do vậy việc bị đơn yêu cầu mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng là không phù hợp, nguyên đơn tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật, do vậy buộc nguyên đơn chị Bé Thị T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, kể từ ngày 01/4/2024. Chị Bé Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Bé Thị T và anh Vương Văn T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Bé Thị T được miễn án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng do là người dân tộc thiểu số (dân tộc Tày), sống tại xã T, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn là vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đã có đơn xin miễn tạm ứng án phí, miễn án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét thấy ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa, phần nào có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử thì được chấp nhận, phần nào không có căn cứ và không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử thì không được chấp nhận .

[8] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho chị Bé Thị Tình được ly hôn với anh Vương Văn Thích. (*Giấy chứng nhận kết hôn số 02, đăng ký ngày 10/01/2020 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lạng Sơn*).

2. Về con chung:

Giao con chung là cháu Vương Gia H, sinh ngày 19/11/2020 cho anh Vương Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Chị Bé Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, thời điểm thực hiện cấp dưỡng kể từ ngày 01/4/2024. Chị Bé Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Bé Thị T thực hiện quyền này. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, người được Thi hành án có đơn yêu cầu Thi hành án mà người phải thi hành án chậm trả tiền thì còn phải trả lãi theo mức lại suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Chị Bé Thị T được miễn án phí ly hôn sơ thẩm và miễn án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã T, huyện L;
- Các đương sự; NBVQLI HP;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Mai

